TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẮC KẠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2021/HS-ST
Ngày: 22/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Anh Tiệp

Ông Nguyễn Lộc Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Bưởi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2021/TLST - HS ngày 20 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HS ngày 10/9/2021 đối với bị cáo:

Bàn Văn K. Tên gọi khác: Không.

Sinh ngày 15/6/2002 tại B, Bắc Kạn

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bàn Văn T và bà Triệu Thị H; vợ,con: chưa có;tiền án,tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại**:

1. Anh Đặng Văn C, sinh năm 1972

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Đặng Thị H, sinh năm 1971

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H là anh Đặng Văn C. Vắng mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Tổ 9B, phường Đ, thành phố B1, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Chị Triệu Thị H2, sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. có mặt tại phiên tòa.

3. Chị Bàn Thu T, sinh ngày 01/11/2003

Nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp là chị Triệu Thị H, sinh năm 1982. Trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Là mẹ đẻ của chị T. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 10/6/2021, Bàn Văn K (trú tại thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn) điều khiển xe mô tô BKS 97B1 - 282.71 nhãn hiệu Honda RSX của bà Triệu Thị H2 (mẹ đẻ K) đi từ nhà mình đến nhà ông Đặng Văn H trú cùng thôn chơi. Đến nơi, Khải thấy chị Đặng Thị H và bà Đặng Thị Y đều trú cùng thôn với K đang ngồi nói chuyện với ông H. Khoảng 10 phút sau, Khải thấy anh Đặng Văn C (là chồng của chị Đặng Thị H) cũng đến nhà ông H chơi. Lúc này, thấy vợ chồng anh Đặng Văn C đều ở nhà ông H nên Khải đã nảy sinh ý định đến nhà anh C để trộm cắp tài sản, K ngồi chơi thêm khoảng 15 phút rồi xin phép ra về. Nhằm đánh lạc hướng, K nổ máy điều khiển xe mô tô theo hướng đi về nhà, khi đi được khoảng 50m thì dừng xe tắt máy rồi điều khiển trôi dốc ngược về phía nhà anh C. Đến bãi đất gần nhà họp thôn V, cách nhà anh C khoảng 15m, K dừng xe đi bộ lên nhà anh C, quan sát xung quanh thấy không có người, cửa khép không khóa, trong nhà điện vẫn bật sáng. K mở hé cửa lách vào trong nhà và đi đến vị trí chiếc túi nải màu đen (dạng túi vải) treo ở vách tường bên phải hướng từ cửa chính đi vào, rồi lục túi thấy có 01 chiếc ví màu đen, bên trong có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000đ liền lấy hết số tiền này cho vào túi quần sau bên phải đang mặc rồi để lại chiếc ví vào trong túi nải, tiếp tục lục lọi trong túi nải thấy còn số tiền 380.000đ, K lấy hết cho vào túi quần sau bên phải đang mặc, đi ra ngoài khép cửa lại như cũ rồi quay lại vị trí để xe mô tô trước đó. K quay xe điều khiển trôi dốc theo đường liên thôn V - B, đến đầu cầu treo thuộc thôn V thì điều khiển xe quay ngược lại đi về. Đến nhà, K lấy số tiền vừa trộm cắp được tại nhà anh C đếm được tổng cộng 5.880.000đ (gồm 11 tờ mệnh giá 500.000đ; 01 tờ mệnh giá 200.000đ, 01 tờ mệnh giá 100.000đ, 01 tờ mệnh giá 50.000đ, 01 tờ mệnh giá 20.000đ và 01 tờ mệnh giá 10.000đ). Sau đó, K tiếp tục điều khiển chiếc xe mô tô BKS 97B1 - 282.71 đi thành phố B1 đón Bàn Thu T (sinh năm 2003, là em gái K) đang thuê trọ ở phường S, rồi cùng nhau đi đến cửa hàng "Hùng Hữu Mobile" thuộc tổ 9B, phường Đ, thành phố B1, tỉnh Bắc Kạn. Tại đây, K sử dụng số tiền đã trộm cắp được mua với bà Nguyễn Thị H1 là chủ cửa hàng 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6s Plus màu vàng, màn hình cảm ứng; 02 dây tai nghe màu trắng và 01 ốp điện thoại màu đen hết tổng số tiền 3.500.000đ. Sau đó, K mua 04 thẻ nạp điện thoại hết 400.000đ, cho Bàn Thu T 200.000đ và 01 dây

tai nghe màu trắng, còn lại K sử dụng để chi tiêu cá nhân. Đến khi bị phát hiện, số tiền trộm cắp được còn lại 430.000đ *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng)*.

Ngày 12/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B khám xét khẩn cấp đối với người, chỗ ở và công trình phụ cận của Bàn Văn K. Kết quả phát hiện, thu giữ: Tại góc ván trên giường ngủ của Bàn Văn K có 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6s Plus màu vàng, ốp màu đen, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng, bên trong ốp có số tiền 400.000đ và 01 phiếu bảo hành của cửa hàng "Hùng Hữu Mobile" ghi tên khách hàng là Bàn Văn K, tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu "BK"; phát hiện phía trên màn ngủ có 01 (một) sạc điện thoại gồm củ sạc và dây sạc màu trắng, 01 (một) dây tai nghe điện thoại màu trắng, loại dây tròn, trên dây có dòng chữ "TPVN - 620" tiến hành niêm phong trong phong bì ký hiệu "BK1".

Cùng ngày 12/6/2021, Bàn Văn K giao nộp cho Cơ quan điều tra số tiền 30.000 đồng, K khai nhận đây là số tiền còn thừa do trộm cắp được của ông Đặng Văn C, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "T".

Tại Bản cáo trạng số 27/CT-VKS-BT ngày 18/8/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Bàn Văn K vềtội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS;

**** Điều luật có nội dung:***

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

2) ..."

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ nguyên nội dung truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn K từ 09 tháng tù đến 12tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền đã trộm cắp của anh C và chị H2. Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm do đó không xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS

- Trả lại cho bị cáo:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6s Plus màu vàng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc ốp điện thoại màu đen; 01 (một) phiếu bảo hành được niêm phong trong phong bì ký hiệu "A".

+ 01 (một) sạc điện thoại gồm củ sạc và dây sạc màu trắng; 01 (một) dây tai nghe điện thoại màu trắng, loại dây tròn, trên dây có dòng chữ "TPVN - 620", được niêm phong trong phong bì ký hiệu "BK1".

+ Số tiền 430.000đ *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng),* được niêm phong trong phong bì ký hiệu "B".

-Trả lại cho chị Bàn Thu T 01 (một) dây tai nghe màu trắng, loại dây dẹt, trên dây có dòng chữ "TPVN" do Bàn Thu T giao nộp ngày 13/6/2021, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "BT".

- Trả lại cho anh Đặng Văn C 01 (một) chiếc túi nải màu đen và 01 (một) chiếc ví màu đen, mặt ngoài có dòng chữ "H2 - Wallet" cũ đã qua sử dụng do ông Đặng Văn C giao nộp ngày 13/6/2021.

- Tịch thu tiêu hủy các phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu "BK", "T" được niêm phong trong phong bì ký hiệu "B1" và 03 tờ giấy niêm phong, được niêm phong trong một chiếc hộp ký hiệu "D1".

Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, sinh sống ở khu vực xã đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp toàn bộ án phí do đó miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố. Do gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền bị cáo đã trộm cắp cho bị hại nên bị cáo đề nghị được xin lại các tài sản, đồ vật do cơ quan điều tra đã thu giữ.

Bị hại là chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn C đã nhận đủ số tiền bị cáo trộm cắp do gia đình bị cáo bồi thường và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H1 khẳng định không biết việc bị cáo dùng tiền trộm cắp để mua điện thoại, số tiền do chị bán điện thoại cho bị cáo chị đã thanh toán tiền hàng và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Bàn Thu T khẳng định không biết việc Khải dùng tiền trộm cắp để mua tai nghe và đưa cho chị tiền để trả tiền ăn uống, nay mẹ chị đã trả tiền cho gia đình bị hại, chị xin được nhận lại chiếc tai nghe.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Triệu Thị H1 khẳng định chị không biết việc K dùng xe mô tô của chị đi trộm cắp tài sản. K đã nhờ chị bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền đã trộm cắp. Chị đã được nhận lại xe và không yêu cầu bị cáo K hoàn lại số tiền chị đã thay K bồi thường cho bị hại.

Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời sau cùng xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa xác định:

Khoảng 19 giờ ngày 10/6/2021, tại nhà ở của anh Đặng Văn C thuộc thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn, bị cáo Bàn Văn K đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 5.880.000đ *(Năm triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng)* của anh C và chị H. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, Bàn Văn K đã sử dụng 3.500.000 đồng để mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6s Plus màu vàng, màn hình cảm ứng và phụ kiện kèm theo điện thoại. Số tiền còn lại, K đưa cho Bàn Thu T 200.000 đồng, sử dụng 400.000 đồng mua 04 thẻ nạp điện thoại và chi tiêu cá nhân. Đến khi bị phát hiện, số tiền còn lại là 430.000đ *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng).*

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy việc truy tố, xét xử bị cáo về tội: "*Trộm cắp tài sản*" quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất hành vi do bị cáo thực hiện là nguy hiểm, xâm phạm quyền sở hữu tài sản, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3]. *Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:*

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 15 tháng 12 năm 2020 bị Công an thành phố B1, tỉnh Bắc Kạn khởi tố về tội "Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ". Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52/BLHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và ăn năn về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự*;* Bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4].*Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại là chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn C đã nhận đủ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Triệu Thị H2 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chị đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*Áp dụng Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS

- Đối với 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6s Plus màu vàng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc ốp điện thoại màu đen; 01 (một) phiếu bảo hành được niêm phong trong phong bì ký hiệu "A"; 01 (một) sạc điện thoại gồm củ sạc và dây sạc màu trắng; 01 (một) dây tai nghe điện thoại màu trắng, loại dây tròn, trên dây có dòng chữ "TPVN - 620", được niêm phong trong phong bì ký hiệu "BK1"; Số tiền 430.000đ *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng),* được niêm phong trong phong bì ký hiệu "B" do bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tài sản đã trộm cắp cho bị hại do đó trả lại cho bị cáo các đồ vật, tài sản trên.

- Đối với 01 (một) dây tai nghe màu trắng, loại dây dẹt, trên dây có dòng chữ "TPVN" do Bàn Thu Thủy giao nộp ngày 13/6/2021, được niêm phong trong phong bì ký hiệu "BT"trả lại cho chị Bàn Thu T.

- Đối với 01 (một) chiếc túi nải màu đen và 01 (một) chiếc ví màu đen, mặt ngoài có dòng chữ "H2 - Wallet" cũ đã qua sử dụng do anh Đặng Văn C giao nộp ngày 13/6/2021 là của anh C nên trả lại cho anh C.

- Đối với các phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu "BK", "T" được niêm phong trong phong bì ký hiệu "B1"và 03 tờ giấy niêm phong, được niêm phong trong một chiếc hộp ký hiệu "D1"không có giá trị sử dụng do đó tịch thu tiêu hủy.

[6]. *Hình phạt bổ sung:*Bị cáo làm ruộng, không có công việc, không có thu nhập ổn định, thuộc diện hộ cận nghèo nên không có khả năng thi hành án do đó không áp dụng đối với bị cáo.

[7]. Đối với chiếc xe mô tô BKS 97B1-282.71,bị cáo Bàn Văn Khải sử dụng để đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định, chiếc xe mô tô trên là của chị Triệu Thị H2 (mẹ đẻ K), việc K sử dụng chiếc xe mô tô trên để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và đi chi tiêu tài sản trộm cắp được, chị H không biết. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Triệu Thị H2 là phù hợp quy định.

[8]. Trong vụ án này còn có chị Nguyễn Thị H1 là người đã bán 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6s Plus màu vàng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng cùng phụ kiện kèm theo chiếc điện thoại cho Bàn Văn K với số tiền 3.500.000 đồng. Tuy nhiên, chị H1 không biết số tiền nêu trên do K trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị H1.

[9]. Đối với Bàn Thu T là người đi cùng Bàn Văn K đến cửa hàng "Hùng Hữu Mobile" và chứng kiến việc K sử dụng số tiền trộm cắp được để mua điện thoại và phụ kiện kèm theo điện thoại, được K cho 01 dây tai nghe và 200.000 đồng. Tuy nhiên, Bàn Thu T không biết số tiền trên do K trộm cắp mà có nên Cơ quan CSĐT Công an huyện B không xem xét xử lý đối với Bàn Thu T.

[10]. *Về án phí:* Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo và có đơn xin miễn nộp toàn bộ tiền án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ

Quốc hội, HĐXX miễn toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

**** Tuyên bố:*** Bị cáo Bàn Văn K phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm b, i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38/BLHS.

Xử phạt bị cáo Bàn Văn K 09 (Chín)tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Đặng Thị H và anh Đặng Văn C đã nhận đủ số tiền bị cáo đã chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Triệu Thị H2 không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền chị đã thay bị cáo bồi thường cho bị hại. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

* *Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:*Áp dụng Điều 47/BLHS, Điều 106/BLTTHS

- Trả lại cho bị cáo:

+01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPhone 6s Plus màu vàng, màn hình cảm ứng đã qua sử dụng; 01 (một) chiếc ốp điện thoại màu đen và 01 (một) phiếu bảo hành được niêm phong trong phong bì ký hiệu "A".

+ 01 (một) sạc điện thoại gồm củ sạc và dây sạc màu trắng; 01 (một) dây tai nghe điện thoại màu trắng, loại dây tròn, trên dây có dòng chữ "TPVN - 620", được niêm phong trong phong bì ký hiệu "BK1".

+Số tiền 430.000đ *(Bốn trăm ba mươi nghìn đồng)* được niêm phong trong phong bì niêm phong ký hiệu "BT".

-Trả lại cho chị Bàn Thu T, sinh năm 2003, trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn : 01 (một) dây tai nghe màu trắng, loại dây dẹt, trên dây có dòng chữ "TPVN", được niêm phong ký hiệu "BT".

- Trả lại cho anh Đặng Văn C, sinh năm 1972, trú tại: Thôn V, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn: 01 (một) chiếc túi nải màu đen và 01 (một) chiếc ví màu đen, mặt ngoài có dòng chữ "H2 - Wallet" cũ đã qua sử dụng, được niêm phong trong một chiếc hộp ký hiệu "D1".

- Tịch thu tiêu hủy 01(một) phong bì niêm phong ký hiệu "B1" bên trong có các phong bì niêm phong ban đầu ký hiệu "BK", "T" và 03 tờ giấy niêm phong, được niêm phong trong một chiếc hộp ký hiệu "D1".

Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận giữa Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

* *Về án phí*: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Bàn Văn K được miễn nộp toàn bộ án phí của vụ án.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND Bạch Thông;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- CA huyện B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- Chi cục THADS;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lý Thị Thúy